

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/DS-PT

Ngày: 14-9-2020

**V/v:** “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:*

Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phước Minh Phong - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2020/QĐ-PT ngày 04/6/2020, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số: 654/TB-TA ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976; cư trú tại thôn LT, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Bá Thị T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: số 38, đường TP, Phường B, thành phố ĐL, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3660, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng nhận ngày 11/6/2020), vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1967; cư trú tại thôn LT, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Bùi Văn L, sinh năm: 1966; cư trú tại thôn LT, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T1 – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/3/2019 của bà Nguyễn Thị L, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Nguyễn Bá Thị T, người đại diện theo ủy quyền của bà L, thì: xuất phát từ mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 06/12/2018 bà Nguyễn Thị T1 có hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị L với số tiền là 100.000.000đ, hạn 02 tháng sau sẽ trả, lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/1.000.000đ/01 ngày nhưng trong giấy vay tiền các bên chỉ ghi lãi suất thỏa thuận chứ không ghi cụ thể. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà T1 đã không trả tiền cho bà L mặc dù bà L đã đòi nhiều lần. Vì vậy, bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 phải trả cho bà L số tiền gốc là 100.000.000đ, cùng tiền lãi với mức lãi suất là 1,67%/tháng. Ngoài ra, khi vay tiền thì bà T1 có đưa cho bà L một Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 804408 thửa đất số 140, diện tích 192m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn TH, xã TV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng để làm tin. Bà L xác định khi nào bà T1 trả lại cho bà L đủ cả gốc và lãi như yêu cầu khởi kiện thì bà L sẽ giao trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà T1.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị T1 thì: vào khoảng tháng 7/2018 bà có ghi sổ đề nhiều lần với bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 100.000.000đ, sau đó bà không có tiền trả nên bà mới ký giấy vay tiền với bà L, đồng thời bà có đưa cho bà L một Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 804408 thửa đất số 140, diện tích 192 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn TH, xã TV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng để làm tin. Bà thừa nhận có nợ bà L tiền 100.000.000đ, tuy nhiên số tiền này là tiền lãi của số tiền 536.000.000đ tính từ ngày 27/7/2018 đến tháng 12/2018 với lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/01 ngày quy ra thành tiền là 132.000.000đ, bà đã trả được cho bà L 32.000.000đ tiền mặt, còn lại 100.000.000đ bà không trả được nên bà L mới buộc bà ký vào giấy vay tiền với số tiền là 100.000.000đ, nhưng không phải giấy vay tiền ngày 06/12/2018 do nguyên đơn xuất trình. Bà không có tài liệu, chứng cứ gì để xuất trình cho Tòa án về việc bà đã trả cho bà L số tiền lãi 32.000.000đ và cũng không có chứng cứ gì để xuất trình chứng minh số tiền 132.000.000đ là tiền lãi của số tiền 536.000.000đ. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà phải trả số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi kể từ ngày 06/12/2018 đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong theo mức lãi suất theo là 1,67%/tháng thì bà không đồng ý.

- Ông Bùi Văn L cho biết ông không chứng kiến và không biết việc vợ ông là bà Nguyễn Thị T1 vay tiền của bà Nguyễn Thị L. Ông xác định là gia đình ông không khó khăn về kinh tế, việc chi tiêu trong gia đình do ông quản lý, ông chưa bao giờ nói bà T1 đi vay tiền của ai nên không có lý do gì để bà L (tên thường gọi ở nhà là Dinh) cho rằng vợ ông nợ tiền của bà L. Đồng thời ông cho rằng nội dung

trong giấy vay tiền có viết thêm thông tin tên ông và số chứng minh nhân dân của ông nên giấy vay tiền mà bà L xuất trình là giả, tuy nhiên, ông không yêu cầu giám định lại chữ ký của vợ ông tại giấy vay tiền nói trên. Ông không liên quan gì đến việc vay tiền giữa vợ ông và bà L nên việc bà L kiện vợ ông thì ông không có ý kiến gì. Ông chỉ đề nghị bà L trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 804408 thửa 140, diện tích 192m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn TH, xã TV, huyện LH cho ông.

Tại Bản án số 07/2020/DS-ST ngày 16/4/2020; Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 13.280.000đ, tổng cộng là 113.280.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị T1 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 804408 thửa đất số 140, diện tích 192 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn TH, xã TV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/4/2020 bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa,*

Bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Tòa án Trung cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thực hiện việc giám định lại đối với chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị T1” tại giấy vay tiền đề ngày 06/12/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xuất phát từ việc giữa bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T1 có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, do cho rằng bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất theo quy định, bà T1 cho rằng trong số nợ mà nguyên đơn yêu cầu trả không phải là tiền vay, không có trong thực tế nên không đồng ý, do vậy các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đương sự đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên cả người đại diện của bà L và ông L vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 thì thấy rằng:

[3.1] Theo nội dung của giấy vay tiền ghi ngày 06/12/2018 thể hiện bà L có cho bà T1 vay số tiền 100.000.000đ. Bà L xác định đến hạn trả nợ bà T1 không trả; còn bà T1 thừa nhận có nợ bà L tiền 100.000.000đ nhưng không phải là số tiền bà vay của bà L mà thực tế là bà có chơi số đề với bà L và nợ lại 100.000.000đ; do bà không trả được nên bà L mới buộc bà ký vào giấy vay tiền.

Vì vậy, đến tháng 12/2018 bà có ký một giấy nhận nợ với bà L số tiền là 100.000.000đ nhưng không phải giấy vay tiền ngày 06/12/2018 như bà L xuất trình nên bà T1 không đồng ý trả cho bà L số tiền trên. Ngoài ra, bà T1 xác định đã giấu chồng đưa cho bà L 01 bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

[3.2] Xét thấy, căn cứ vào giấy vay tiền trên thì có căn khẳng định ngày 06/12/2018 bà T1 có vay của bà L số tiền 100.000.000đ. Bởi lẽ, giấy vay tiền này thể hiện rõ người cho vay, người vay, ngày vay, số tiền vay, thời hạn trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 cho rằng số tiền 100.000.000đ này có nguồn gốc từ việc ghi số đề như đã nêu ở trên nhưng lại không xuất trình được chứng cứ chứng minh, bà L lại không thừa nhận. Bà T1 cho rằng số nợ 100.000.000đ tiền số đề là được viết trong tờ giấy khác nhưng không lý giải được tại sao trong Giấy vay tiền ngày 06/12/2018 do bà L xuất trình lại có chữ ký, chữ viết họ tên của bà.

- Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, bà T1 không thừa nhận chữ “*Thực, Nguyễn Thị T1*” trong giấy vay tiền ngày 06/12/2018 là của mình nên cấp sơ thẩm đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết “*Thực, Nguyễn Thị T1*”.

Tại Kết luận giám định số 1445/GĐ-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng đã kết luận: “*Chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị T1 dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị T1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người viết ra*”. Tòa án đã thông báo nội dung kết luận giám định nêu trên cho bà T1 biết, mặc dù bà T1 không đồng ý với nội dung kết luận giám định nhưng bà T1 xác định không yêu cầu giám định lại.

- Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, bà T1 cho rằng chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T1” tại giấy vay tiền ngày 06/12/2018 không phải của bà và Kết luận giám định số: 1445/GĐ-PC09 ngày 14/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng là không đúng nên bà có đơn yêu cầu giám định lại chữ ký và chữ viết trên. Tại Kết luận giám định lại số 3897/C09B ngày 26/8/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “*Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T1, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T1” dưới mục “Người vay” trên “Giấy vay tiền” đề ngày 06/12/2018 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T1 trên 02 (hai) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra*”.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T1 yêu cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định lại chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T1” tại giấy vay tiền nói trên. Tuy nhiên nội dung mà bà T1 yêu cầu giám định đã được Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định lại số 3897/C09B ngày 26/8/2020 theo Quyết định trưng cầu giám định lại số 07/2020/QĐ-TCGD ngày 21/7/2020.

Xét thấy về cơ cấu tổ chức thì Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Viện Khoa học hình sự Bộ Công an nên việc bị đơn yêu cầu giám định lại là không cần thiết.

[4] Cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy vay tiền ngày 06/12/2018 để buộc bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tính tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với thời gian chưa trả là 16 tháng với số tiền là 13.280.000đ là có căn cứ.

[5] Đối với việc bà T1 đã đưa cho bà L bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 804408 do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị T1 ngày 04/8/2009 để đảm bảo cho khoản vay nói trên thì thấy rằng: khi bà T1 đưa cho bà L bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nói trên thì không được sự đồng ý của ông L (người đồng sử dụng), xét việc thế chấp giữa các bên không tuân theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thế chấp tài sản là bất động sản nên vô hiệu toàn bộ. Cấp sơ thẩm buộc bà L phải trả cho vợ chồng ông L, bà T1 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nói trên là có căn cứ.

[6] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm, bà T1 có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T1” tại giấy vay tiền ngày 06/12/2018; đối chiếu với mẫu so sánh chữ ký, chữ viết của bà T1; cơ quan giám định kết luận là do cùng một người cùng viết và ký ra (bà T1). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định nói trên. Cụ thể:

- Chi phí giám định tại giai đoạn sơ thẩm là 4.800.000đ (bà L đã tạm nộp và quyết toán xong nên buộc bà T1 có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nói trên cho bà L).

- Chi phí giám định tại giai đoạn phúc thẩm là 1.480.000đ (bà T1 đã tạm nộp và quyết toán xong).

[8] Về án phí: bà T1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà L (113.260.000đ x 5%).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 473, 477, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 113.280.000đ (*một trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*); trong đó tiền gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), tiền lãi là 13.280.000đ (*mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị T1 bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 804408 do Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng cấp cho vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị T1 ngày 04/8/2009 đối với thửa đất số 140, diện tích 192 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn TH, xã TV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Nguyễn Thị T1 chịu 6.280.000đ chi phí giám định.

Bà T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 5.664.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà L được nhận lại 2.792.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001166 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007369 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Bà T1 đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

#### 5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện LH, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện LH, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Huỳnh Châu Thạch**